

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/DS-PT

Ngày: 25/6/2021

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Bế Chiến

Các Thẩm phán: Ông Nông Hà Nam

Bà Nguyễn Thị Như

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hữu Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Ông Lục Văn Phách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2020/TLPT-DS ngày 20/5/2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng bị kháng cáo,

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/ 2021/QĐ-PT ngày 9 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đoàn Thị A (Đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ:

1. Đoàn Thị B - sinh năm 1963

Địa chỉ: Tổ 02, phường P, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

2. Đoàn Thị C - sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ 02, phường P, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

Bà B và bà C đã ủy quyền cho bà Đoàn Thị D tham gia tố tụng tại Giấy ủy quyền ngày 29/9/2020).

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thị D - sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ 02, phường P, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

3. Đoàn Văn Đ - sinh năm 1966

Địa chỉ: Tổ 02, phường P, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị E; địa chỉ: Tổ 10, phường P, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- Bị đơn: Đoàn Thị G - sinh năm 1940

Địa chỉ: Tổ 02, phường P, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

Người được ủy quyền tại phiên tòa: Hoàng Văn H - sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ 02, phường P, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Hoàng Thị I - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Người làm chứng:

1, Triệu Thị K - sinh năm 1958

Địa chỉ: Tổ 02, phường P, huyện Q;

2, Dương Thị L

Địa chỉ: Tổ 02, phường P, huyện Q;

3, Nông Thị M - sinh năm 1957

Địa chỉ: Xóm 9, xã Vĩnh Quang, huyện Q;

4, Nông Thị N - sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 02, phường P, huyện Q;

5, Lô Thị O - sinh năm 1961

Địa chỉ: SN 25, tổ 09, phường R, huyện Q;

Những người làm chứng đều vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn Đoàn Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Đoàn Văn Đ bà Đoàn Thị D - đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ nguyên đơn thống nhất trình bày: Ông và bà là con trai, con dâu của bà Đoàn Thị A, được ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án này.

Năm 2000, bà Đoàn Thị A được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Cao Bằng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số O 597071 ngày 29/12/2000, trong đó có thửa đất số 183, tờ bản đồ số 08, diện tích 715 m², mục đích sử dụng đất là ĐRM (đất vườn). Từ đó đến nay, gia đình ông, bà vẫn sử dụng thửa đất trên để canh tác ổn định, không có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra.

Đến tháng 7/2019, gia đình ông, bà không có nhu cầu sử dụng đất nữa và tiến hành thủ tục chuyển nhượng đất cho người khác thì mới phát sinh tranh chấp. Khi địa chính phường P và cán bộ đo đạc của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Q đến đo đạc, thẩm tra thì cả gia đình bà Đoàn Thị G (ở sát mảnh đất trên) có ra gây mất trật tự (chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm gia đình bà A) và ngăn cản cán bộ không được đo đạc vì một phần đất của gia đình ông, bà có đường đi xuống ruộng nhà bà Đoàn Thị G. Với lý do: năm 1979, bà G có thỏa thuận đổi đất với cụ S (mẹ của bà A, hiện nay đã chết) là để đất mở đường đi vào phần đất đằng sau để canh tác - theo ý của bà G. Nhưng gia đình ông, bà không ai được nghe cụ S nhắc về sự thỏa thuận này khi còn sống, cũng không có giấy tờ gì chứng minh về việc hai gia đình thỏa thuận mở đường đi chung. Mặt khác trong giai đoạn từ năm 1995-2000, khi Nhà nước tiến hành làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, bà A có kê khai các thửa đất của gia đình để cấp GCNQSDĐ không thấy gia đình bà Đoàn Thị G khiếu nại gì. Sau đó, nhà bà G có xây nhà và cũng đã xây tường bao quanh hết phần đất của gia đình bà G, thậm chí còn xây lấn chiếm ra phần đất của gia đình bà A nhưng gia đình ông, bà cũng không yêu cầu đòi lại phần đất mà gia đình bà G đã sử dụng.

Trong GCNQSDĐ thửa 183 của bà A được cấp không thể hiện có con đường đi qua để xuống ruộng sau nhà bà G, đất gia đình bà và gia đình bà G sát nhau không có con đường. Vị trí đất tranh chấp sát đất nhà bà G dài khoảng 35m, từ đường liên thôn đến đất của gia đình bà. Đất bà G đã xây bờ rào hết, đất tranh chấp là thuộc đất của gia đình bà A.

Hiện nay, bà G khẳng định đòi gia đình ông, bà phải nhường ít nhất 1m chiều rộng đường đi để vào phần ruộng đằng sau nhà bà G là rất vô lý. Do đó, bà A khởi kiện đối với bà G để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp phần đất có chiều rộng là 1m, chiều dài là 35m đường đi chung giữa gia đình bà A và gia đình bà Đoàn Thị G như đã nêu ở trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Đoàn Thị G do cao tuổi, nặng tai không nghe rõ nên đã ủy quyền cho ông Đoàn Văn H - con trai của bà G trình bày: Về mối quan hệ giữa gia đình bà và gia đình bà A là hàng xóm với nhau. Năm 1979 giữa bà và cụ Trần Thị S (là mẹ bà A) có đổi đất với nhau để tiện cho việc canh tác và có thỏa thuận mở con đường để gia đình bà vào khu ruộng sau phần đất nhà của gia đình để canh tác. Từ đó đến nay vẫn có con đường đó để đi lại.

Năm 2016 có đoàn cán bộ địa chính Trung ương đến khảo sát đất đai tại địa phương đã đo đạc thực tế tại thửa đất và có vẽ con đường rộng 60 cm. Gia

đình bà A đã nhất trí và ký vào biên bản giáp ranh của hồ sơ thửa đất tại nhà văn hóa tổ. Nhưng đến tháng 7/2019 nhà bà A thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và không để lại con đường để gia đình bà đi như đã thỏa thuận. Nên bà vẫn giữ nguyên ý kiến, gia đình bà A phải mở đường cho gia đình bà với chiều rộng con đường là 1 mét, chiều dài con đường là 35 mét theo như sự thỏa thuận trước đây của hai bên gia đình.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà không nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho gia đình bà có con đường đi lại để canh tác khu ruộng phía sau đất nhà bà.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - Luật sư Nguyễn Thị E: Từ năm 1979 hai gia đình tiến hành đổi đất cho nhau, trao đổi bằng miệng, không có giấy tờ đổi đất cụ thể, đất được đổi đã được đưa vào GCNQSDĐ của mỗi gia đình. Việc cấp GCNQSDĐ của mỗi gia đình, hai gia đình hoàn toàn không có ý kiến gì. Trên GCNQSDĐ không thể hiện có con đường hiện đang có tranh chấp giữa hai bên gia đình, phía nguyên đơn không chấp nhận có con đường đi qua một phần thửa đất 183 do gia đình bà A đang quản lý sử dụng. Diện tích đất đang tranh chấp theo biên bản thẩm định ngày 07/7/2020 xác định tổng diện tích đất 35,7m² là đất liền dải của thửa 183, không có con đường, trên phần đất không có tài sản, cây trồng gì. Trên bản đồ địa chính năm 1995 không thể hiện có con đường đi qua giữa hai thửa đất. Gia đình nhà bà G chỉ là đi nhờ qua đất của nhà bà A mà thành đường.

Đối với lời khai của những người làm chứng do bà G cung cấp tại phiên tòa ngày 12/10/2020 và Tòa án đã tiến hành lấy lời khai thì những người làm chứng này đều không biết rõ nguồn gốc đất của ai, trên đất có hình thành con đường hay không, có con đường chung đi qua thửa đất 183 từ khi nào thì không ai biết, chỉ thấy đất bỏ không và thuận tiện cho việc đi lại làm đồng (là con đường ngắn nhất) thì đi qua lại trên phần đất đó từ năm 2000, nhưng chỉ đi lại khi đến mùa vụ, chứ không phải sử dụng đi lại trên con đường đó thường xuyên.

Theo kết quả xác minh của Tòa án, đây không phải con đường duy nhất để đi xuống khu ruộng phía sau nhà bà G. Nếu cần thiết mở đường đi vào ruộng nhà bà G đề nghị gia đình nhà bà G mở con đường khác đi qua đất của nhà con trai của bà G thì sẽ hợp lý hơn; Hoặc có thể đi theo mương nước chung và qua bờ ruộng quanh đó vẫn đến được ruộng của bà G.

Tại công văn số 145/CV-VPĐK CNTP ngày 09/9/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Q đã khẳng định hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ số

O 597071 ngày 29/12/2000 mang tên bà Đoàn Thị A là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông H con trai của bà G cũng xác nhận ngoài con đường này thì vẫn có con đường khác để đi xuống ruộng phía sau nhà bà G, nhưng đi xa hơn, không thuận tiện bằng việc đi lại qua một phần đất tại thửa 183 của bà Đoàn Thị A.

Với những căn cứ nêu trên: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Đoàn Thị A. Đề nghị công nhận diện tích 35,7 m² đất hiện đang tranh chấp và phần đất còn lại thực tế của thửa 183, tờ bản đồ số 8, theo biên bản thẩm định ngày 07/7/2020 có tổng diện tích là 431,8m² để người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Đoàn Thị A được quản lý và sử dụng.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Hoàng Thị I: Nguồn gốc đất đang tranh chấp là do bà G đổi với cụ S (mẹ của bà A) từ năm 1979, như vậy con đường đi xuống đất ruộng sau nhà bà G đã được hình thành trên 40 năm (là đất liền kề giữa hai thửa đất của hai gia đình bà G và bà A). Tại phiên tòa, ông H con trai của bà G xác nhận có lối đi khác nhưng là con đường nhỏ và đi xa hơn nên không hợp lý cho việc đi lại làm ruộng mỗi khi đến mùa vụ. Năm 2016 khi Nhà nước tiến hành đo đạc lại để chỉnh lý bản đồ địa chính, giữa hai bên gia đình bà G và bà A đã có sự thống nhất thỏa thuận là để một lối đi qua thửa đất 183 của bà A, với chiều rộng là 60cm và chiều dài theo suốt tường rào của bà G để đi xuống ruộng sau nhà.

Căn cứ Điều 254. Quyền lối đi - Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đề nghị hội đồng xét xử xem xét buộc gia đình bà A mở lối đi cho gia đình bà G theo như đã thỏa thuận của hai bên gia đình, thuận tiện cho việc đi lại canh tác phần ruộng sau nhà bà G.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã Căn cứ các Điều 186, Điều 189, Điều 192 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ: khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 74, Điều 91, Điều 147, Điều 157, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị A, bà Đoàn Thị B, Đoàn Thị C, ông Đoàn Văn Đ là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn.

Buộc bà Đoàn Thị G phải trả lại 35,7 m² diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 08 nằm trong GCNQSDĐ số O 597071 ngày 29/12/2000 do UBND tỉnh Cao Bằng cấp mang tên Đoàn Thị A cho bà Đoàn Thị B, Đoàn Thị C, ông Đoàn Văn Đ là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn.

Phần đất tranh chấp có tứ cận tiếp giáp như sau: phía Đông Nam giáp đường bê tông có chiều rộng là 1,39m; chiều sâu theo dải đất từ phía Đông Nam kéo về phía Tây Bắc mặt trong của con đường dài 32,12m + 2,54m là điểm ngoặt vào cuối ranh giới thửa. Phía cuối mặt trong của phần đất tranh chấp có độ rộng 1,25m. Phía Tây của con đường (phía mép đường) giáp nhà bà Đoàn Thị G có chiều dài 32,28m (có bản vẽ kèm theo).

Bà Đoàn Thị B, Đoàn Thị C, ông Đoàn Văn Đ là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn Đoàn Thị A được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chỉnh lý cấp lại GCNQSDĐ cho đúng với hiện trạng của thửa đất 183, tờ bản đồ số 8 theo biên bản thẩm định ngày 07/7/2020 (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 08/4/2021 bà Đoàn Thị G có đơn kháng cáo không nhất trí đối với bản án số 11/2021/DS-ST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Đoàn Thị G giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày: Gia đình tôi và bà S đã thỏa thuận về việc mở con đường trước khi bà A làm sổ đỏ, khi gia đình bà A làm sổ đỏ không thông qua gia đình tôi, mà khi nhà tôi làm sổ đỏ đối với phần đất bà A đổi cho nhà tôi thì có làm biên bản của tổ dân phố và có chữ ký của bà A, Do vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho gia đình tôi có con đường đi lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Hoàng Thị I giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm. Đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, mở lối đi cho gia đình nhà bà G theo thỏa thuận của hai bên gia đình, thuận tiện cho việc đi lại canh tác phần ruộng sau nhà bà G.

Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Đoàn Thị D và ông Đoàn Văn Đ cùng thống nhất trình bày: Không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của bị đơn vì ngoài con đường tranh chấp còn con đường khác đi vào phần đất ruộng của nhà bà G và các hộ dân cạnh đó nên tôi yêu cầu HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn – Luật sư Nguyễn Thị E giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị G và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập và giao nộp chứng cứ, thẩm định, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm...Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của bị đơn.

Nội dung kháng cáo: Bà Đoàn Thị G Yêu cầu được quản lý sử dụng đối với phần diện tích đất có chiều rộng 1m, chiều dài 35m thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 08, diện tích 715 m² (diện tích đất tranh chấp là 35,7 m²) nằm trong GCNQSDĐ số O 597071 ngày 29/12/2000 do UBND tỉnh Cao Bằng cấp mang tên Đoàn Thị A.

HĐXX phúc thẩm xét thấy:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Căn cứ trên lời khai nguyên đơn, bị đơn chứng minh được nguồn gốc đất tranh chấp do mẹ bà Đoàn Thị A là bà S để lại, ngày 29/12/2000 bà Đoàn Thị A được UBND tỉnh Cao Bằng cấp GCN QSDĐ số O 597071, trong đó có thửa đất số 183, tờ bản đồ số 08, diện tích 715 m², mục đích sử dụng đất là ĐRM (đất vườn). Từ đó đến nay, gia đình bà A vẫn quản lý, sử dụng thửa đất trên để canh tác ổn định. Quá trình xem xét thẩm định

tại chỗ cơ quan chuyên môn xác định phần đất tranh chấp nằm trong thửa 183, tờ bản đồ 08 có diện tích 35,7m². Phía bị đơn cho rằng phần đất tranh chấp là lối đi có chiều rộng 1m chiều dài 35m đã được bà G và bà S thỏa thuận làm lối đi để đi vào phần đất phía sau canh tác nhưng không có giấy tờ chứng minh hoặc nhân chứng biết sự thỏa thuận đó.

Tính pháp lý của thủ tục cấp GCNQSDĐ:

Ngày 25/8/2020 Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng có công văn số 344/CV-TA gửi Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Q, yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Q rà soát về trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ cho bà Đoàn Thị A. Đồng thời yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Q cung cấp các tài liệu, giấy tờ có liên quan cho Tòa án.

Ngày 09/9/2020 Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Q có công văn số 145/CV-VPĐKCNTP phúc đáp công văn số 344/CV-TA ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng. Căn cứ nội dung của công văn và các tài liệu, chứng cứ của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Q cung cấp, xét thấy GCNQSDĐ số O 597071 ngày 29/12/2000 do UBND tỉnh Cao Bằng cấp mang tên Đoàn Thị A là đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Hiện nay, vẫn còn giá trị sử dụng, chưa được sang tên chuyển nhượng hoặc tặng cho ai.

Quá trình xác minh, thu thập lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện con đường tranh chấp giữa bà Đoàn Thị A và bà Đoàn Thị G không phải là con đường duy nhất đi xuống ruộng của các hộ dân có đất sau nhà bà A: Căn cứ kết quả xác minh của tổ trưởng dân phố, đối chiếu bản đồ địa chính năm 1995 và ý kiến của cán bộ địa chính phường P, lời khai của những người làm chứng bà Nông Thị N, Nông Thị M, Lô Thị O tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện ngoài phần đất tranh chấp là lối đi hiện nay trên đất bà A thì vẫn còn con đường khác là đi theo đường mương nước chung và đi qua các bờ ruộng liền kề để đi đến ruộng bà G và các hộ gia đình xung quanh. Ngoài ra thì gia đình bà G vẫn có thể mở lối đi khác để xuống ruộng qua phần đất gia đình đã chia cho con trai là Đoàn Văn H.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, HĐXX nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Buộc bà Đoàn Thị G phải trả lại 35,7 m² diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 08 nằm trong GCNQSDĐ số O 597071 ngày 29/12/2000 do UBND tỉnh Cao Bằng cấp mang tên Đoàn Thị A cho bà Đoàn Thị B, Đoàn Thị C, ông Đoàn Văn Đ- người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà A là có căn cứ, đúng quy định của

pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn không có tài liệu bổ sung bảo vệ cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn (bà Đoàn Thị D trước đây được ủy quyền của bà A) đã nộp các khoản chi phí thẩm định là 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Do yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị A và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Đoàn Thị G phải chịu toàn bộ số tiền chi phí thẩm định theo quy định pháp luật.

Nên bà Đoàn Thị G phải có nghĩa vụ chi trả tiền thẩm định cho Bà Đoàn Thị B, Đoàn Thị C, ông Đoàn Văn Đ là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn Đoàn Thị A số tiền chi phí thẩm định là 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng).

[4]. Về án phí: Bị đơn bà Đoàn Thị G là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm (Có đơn xin miễn án phí ghi ngày 31/3/2021) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Căn cứ các Điều 186, Điều 189, Điều 192 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ: khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 74, Điều 91, Điều 147, 148 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đoàn Thị G. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị A, bà Đoàn Thị B, Đoàn Thị C, ông Đoàn Văn Đ là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn.

Buộc bà Đoàn Thị G phải trả lại 35,7 m² diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 08 nằm trong GCNQSDĐ số O 597071 ngày 29/12/2000 do UBND tỉnh Cao Bằng cấp mang tên Đoàn Thị A cho bà Đoàn Thị B, Đoàn Thị C, ông Đoàn Văn Đ là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn.

Phần đất tranh chấp có tứ cận tiếp giáp như sau: phía Đông Nam giáp đường bê tông có chiều rộng là 1,39m; chiều sâu theo dải đất từ phía Đông Nam kéo về phía Tây Bắc mặt trong của con đường dài 32,12m + 2,54m là điểm ngoặt vào cuối ranh giới thửa. Phía cuối mặt trong của phần đất tranh chấp có độ rộng 1,25m. Phía Tây của con đường (phía mép đường) giáp nhà bà Đoàn Thị G có chiều dài 32,28m (có bản vẽ kèm theo).

Bà Đoàn Thị B, Đoàn Thị C, ông Đoàn Văn Đ là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn Đoàn Thị A được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chỉnh lý cấp lại GCNQSDĐ cho đúng với hiện trạng của thửa đất 183, tờ bản số 8 theo biên bản thẩm định ngày 07/7/2020 (có sơ đồ kèm theo).

3. Về chi phí tố tụng: Áp dụng Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

Buộc bà Đoàn Thị G phải chịu chi phí thẩm định là 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng) trả cho ông Đoàn Văn Đ, bà Đoàn Thị B, Đoàn Thị C là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn.

2. Về án phí: Bị đơn bà Đoàn Thị G là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Đoàn Thị B, Đoàn Thị C, ông Đoàn Văn Đ là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đoàn Thị A được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0000674 ngày 18/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- CCTHADS thành phố CB;
- TAND thành phố CB;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Bế Chiến

